

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 12- 01-2023

V/v: ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia
tài sản chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như

Các Thẩm phán: Ông Nông Hà Nam

Ông Ngôn Ngọc Viên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hữu Duy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2022/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 92/2022/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 109/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2022, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 207/QĐPT-DS ngày 26/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Quang A, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, xã U, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung E, thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Trung E; địa chỉ: Số nhà 048, tổ 04, phường Z, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Tăng Ngọc B, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, xã U, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Có

mặt

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*

+ Bà Lý Thị C, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, xã U, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Bà C đồng thời là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Hoàng Văn Tuyên (chồng đã chết). Có mặt

+ Bà Lý Thị D, sinh năm 1953. Tổ dân phố 2, xã U, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Những người làm chứng:

- Vũ Văn F. Địa chỉ: Tổ dân phố 4, xã U, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng;

- Nguyễn Ngọc G; địa chỉ: xã V-Đồng Hỷ-Thái Nguyên

- Trần Việt H; địa chỉ: Thôn Xóm X, xã Phong Thu, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Nông Văn I; địa chỉ: Xóm Y, xã Khâm Thành, Trùng Khánh, Cao Bằng;

- Lục Quang K; địa chỉ: Tổ 8, phường Z, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

- Nông Thị L, sinh 1972; địa chỉ: Tổ 5, xã U, Trùng Khánh, Cao Bằng;

- Nông Văn M; địa chỉ: Tổ 5, xã U, Trùng Khánh, Cao Bằng;

- Triệu Hải N; địa chỉ: Tổ 5, xã U, Trùng Khánh, Cao Bằng.

- Nông Văn O; địa chỉ: Tổ 7, xã U, Trùng Khánh, Cao Bằng.

- Trần Văn P, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Trung Khinh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Lê Văn Q, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ dân phố 3, xã U, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Nông Thị R, sinh năm 1968. Địa chỉ: Tổ dân phố 3, xã U, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Trương Diệp S, sinh năm 1965. Địa chỉ: Tổ dân phố 2, xã U, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Tăng Thị T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Tổ dân phố 2, xã U, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 01/10/2021 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn Hoàng Quang A trình bày:

Năm 2013, sau thời gian tìm hiểu thì anh tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương với chị B, sau đó tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã U, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng ngày 10/10/2013, việc đăng ký do hai bên tự nguyện thực hiện. Sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, tháng 2 năm 2021 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong sinh hoạt hằng ngày. Vì vậy ngày 24/02/2021 chị B tự ý đem theo con gái Hoàng Tuệ Anh về nhà ngoại sống đến bây giờ. Hai vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời kỳ hôn nhân có hai con chung tên là Hoàng Ngọc Lan, sinh ngày 25/10/2014 và Hoàng Tuệ Anh, sinh ngày 09/5/2020. Hiện nay cháu Lan đang sống cùng anh A, còn cháu Anh sống cùng chị B. Giữa hai vợ chồng có một xe máy, tiền hơn 200.000.000đ, vàng hơn 02 cây là tài sản chung chị B đã mang theo hết lúc rời khỏi nhà. Giữa anh và chị B không có nợ chung. Nay xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức gay gắt không thể hàn gắn đề nghị được ly hôn chị B. Sau khi ly hôn anh sẽ nuôi cháu Lan, còn chị B nuôi cháu Anh. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Đối với yêu cầu chia giá trị ngôi nhà và chịu khoản nợ của chị B, anh A không nhất trí. Vì anh cho rằng nhà là của bố mẹ làm cho để ở, hai vợ chồng không có đóng góp gì, còn nợ thì anh không được vay nên không đồng ý trả.

Bị đơn Tăng Ngọc B xác nhận các vấn đề về thời gian kết hôn, con chung, mâu thuẫn vợ chồng như anh A trình bày là đúng. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân giữa hai vợ chồng có phát sinh tài sản chung và nợ chung. Cụ thể: Sau khi kết hôn thì năm 2015 hai vợ chồng có tu sửa nhà đằng trước làm quán Trà sữa và xây mới nhà đằng sau để làm nhà ở. Tổng chi phí xây nhà khoảng 500.000.000đ. Ngoài ra còn đầu tư mua sắm một số vật dụng trong nhà như Tivi, tủ lạnh, điều hòa, bàn ghế... Về nợ chung, do không đủ tiền làm nhà nên hai vợ chồng có vay bố mẹ đẻ của chị B số tiền 150.000.000đ, hiện nay đã trả được 120.000.000đ. Nay anh A làm đơn xin ly hôn chị B hoàn toàn nhất trí. Sau khi ly hôn chị B đề nghị được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh A cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Đồng thời là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Văn Tuyên khai: Bà là vợ của ông Hoàng Văn Tuyên (đã chết) và là mẹ đẻ của anh A. Năm 2013 vợ chồng A - B kết hôn, đến năm 2014 thì có cháu Lan. Năm 2015 vợ chồng bà có sửa và xây mới nhà để ở, toàn bộ số tiền làm nhà là của vợ chồng bà không liên quan đến vợ chồng A - B. Ngoài ra vợ chồng bà còn mua sắm một số vật dụng phục vụ sinh hoạt gia đình. Việc vợ chồng A - B có vay mượn tiền ở đâu thì bà không biết. Vì

vậy bà không nhất trí chia giá trị ngôi nhà cho vợ chồng A - B.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà D khai: Bà là mẹ đẻ của chị B, sau khi cưới thì vào năm 2015 hai vợ chồng A - B có vay vợ chồng bà khoản tiền 150.000.000đ, mục đích là để xây nhà ở, hiện nay đã trả được 120.000.000đ. Số tiền còn lại bà không yêu cầu trả lại và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Những người làm chứng các ông Q, P, F và bà R xác nhận: Năm 2015 được trực tiếp cung cấp nguyên vật liệu sắt thép, ximang, gạch (bà R), xây nhà (ông F), nội thất phần mộc (ông Q) và sửa nhà đằng trước (ông P). Trước khi làm thì vợ chồng A - B là người đề xuất và trực tiếp trả toàn bộ tiền công cũng như nguyên vật liệu, còn bố mẹ anh A không có ý kiến gì.

Người làm chứng bà T, bà S xác nhận có một hôm vô tình sang nhà ông Pháy (bố chị B đã chết) chơi thì chứng kiến giữa B và ông Pháy đang đếm tiền, là khoản tiền gì, số lượng bao nhiêu hai bà không biết, nhưng sau đó thì nghe ông Pháy nói lại là cho vợ chồng B vay 100.000.000 triệu để làm nhà.

Tòa án tiến hành hòa giải 02 lần để đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thành. Tòa án thành lập Hội đồng định giá theo đơn yêu cầu của chị B nhưng phía anh A, bà C ngăn cản không cho định giá. Vì vậy Hội đồng định giá căn cứ hồ sơ cấp phép thiết kế ngôi nhà để tiến hành định giá, với kết quả: Ngôi nhà có giá 437.394.600đ (*bốn trăm ba mươi bảy triệu ba trăm chín mươi tư nghìn sáu trăm đồng chẵn*).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh A xác định mâu thuẫn vợ chồng đã không thể hàn gắn được nữa nên giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị B, sau khi ly hôn anh sẽ nuôi cháu Lan, còn chị B nuôi cháu Anh. Về ngôi nhà anh không nhất trí chia cho chị B, vì đây là tài sản của bố mẹ anh, không liên quan đến hai vợ chồng. Lúc xây bố anh là người trực tiếp làm hợp đồng dân sự thuê thợ và trả toàn bộ chi phí (nhưng không cung cấp được hợp đồng thuê thợ cũng như những chứng cứ chứng minh trả tiền thợ, vật liệu). Đối với xe máy, tiền mặt hơn 200 triệu và vàng hơn 02 cây chị B đã mang theo, nay anh không yêu cầu giải quyết mà để cho chị B nuôi con.

Chị B cũng xác định vợ chồng đã không còn tình cảm và nhất trí ly hôn như yêu cầu của anh A. Về con chung chị đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung chị B đề nghị chia giá trị ngôi nhà xây mới theo quy định của pháp luật, đối với chi phí sửa nhà và mua sắm các thiết bị như Tivi, tủ lạnh, điều hòa...chị tự nguyện rút không yêu cầu. Trong quá trình làm nhà thì bà C có đưa cho chị 07 chỉ vàng bán được hơn 20 triệu để trả tiền công vật liệu xây dựng. Việc anh A khai chị mang theo hơn 200 triệu tiền mặt và hơn 02 cây

vàng là không có căn cứ. Về nghĩa vụ trả nợ chung do bà D không yêu cầu nên chị B cũng không đề nghị giải quyết.

Bà C cho rằng toàn bộ tiền xây nhà mới là của vợ chồng bà, không liên quan đến vợ chồng A - B. Lúc xây nhà ông Tuyền là người trực tiếp làm hợp đồng dân sự thuê thợ và trả toàn bộ chi phí (nhưng không cung cấp được hợp đồng thuê thợ cũng như những chứng cứ chứng minh trả tiền thợ, vật liệu). Vì vậy không nhất trí chia giá trị ngôi nhà theo yêu cầu của chị B.

Tại bản án hôn nhân gia đình số 92/2022/HNGĐ-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 165, 166, Khoản 1 Điều 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 59, 61 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Hoàng Quang A được ly hôn chị Tăng Ngọc B.

2. *Về con chung:* Giao cháu Hoàng Ngọc Lan, sinh ngày 25/10/2014 cho anh A chăm sóc, giáo dục và giao cháu Hoàng Tuệ Anh, sinh ngày 09/5/2020 cho chị B chăm sóc, giáo dục. Không đặt vấn đề cấp dưỡng đối với hai bên.

Sau khi ly hôn, anh A và chị B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung:* Anh Hoàng Quang A và bà Lý Thị C được quyền quản lý, sử dụng ngôi nhà tọa lạc tại Tổ dân phố 6, xã U, huyện Trùng Khánh theo giấy cấp phép số 24/CPXD ngày 29/6/2015 của UBND huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Đồng thời anh A, bà Viện phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Tăng Ngọc B số tiền 196.827.570đ (*một trăm chín mươi sáu triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi đồng*).

4. *Về nợ chung:* Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. *Về chi phí tố tụng và án phí:*

Về chi phí định giá tài sản: Ghi nhận sự tự nguyện của chị B chịu toàn bộ chi phí định giá số tiền 1.250.000đ, xác nhận chị đã nộp đủ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí quyền kháng cáo của các Đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 16/9/2022 nguyên đơn Hoàng Quang A có đơn kháng cáo; ngày 29/9/2022 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lý Thị C có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Hoàng Quang A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Quá trình làm nhà bố mẹ tôi đã thanh toán tiền cho thợ, GCNQSDĐ đứng tên bố mẹ tôi, toàn bộ tiền xây nhà đều do bố mẹ tôi bỏ ra, vợ chồng không có công sức đóng góp nên không nhất trí với bản án sơ thẩm đã tuyên. Do vậy đề nghị HĐXX xem xét lại phần tài sản.

Bà Lý Thị C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nhất trí với lời trình bày của anh Hoàng Quang A, bà cho rằng: Chi phí xây nhà không liên quan đến Anh A, chị B, hoàn toàn do công sức đóng góp của vợ chồng bà C. Do vậy bà không nhất trí với bản án sơ thẩm, không nhất trí với việc phải thanh toán chi phí xây dựng nhà cho chị Tăng Ngọc B.

Bị đơn Tăng Ngọc B không nhất trí với ý kiến của anh Hoàng Quang A, bà Lý Thị C, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên cho anh A và bà C cùng quản lý sử dụng ngôi nhà, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên như vậy là không đảm bảo bởi ngôi nhà là do vợ chồng bà C xây dựng, việc định giá theo giá nhà nước là quá thấp, thực tế theo giá thị trường còn cao hơn rất nhiều. Việc chị B vay tiền ngân hàng khi ông Tuyên chưa được cấp giấy phép xây dựng, anh A không được chị B trao đổi khi vay tiền tại ngân hàng cũng như vay mẹ đẻ chị B. Xét thấy việc vay tiền là không hợp lệ nên không chấp nhận, ngoài ra việc bán vàng chị B cũng không trao đổi với chồng, những giấy chứng nhận trả tiền công thợ do chị B nộp tại cấp sơ thẩm chưa đủ căn cứ để chấp nhận. Ông F đã nhận qua tài khoản do ông Tuyên chuyển là 55 triệu có căn cứ để chấp nhận. Tiền chị B bán vàng là để mua xe máy, không phải để xây nhà. Anh A chị B không có công sức đóng góp xây nhà, mà đều do vợ chồng bà C tích lũy mà có để xây. Nếu có thể thì phía nguyên đơn có thể thanh toán cho chị B một phần tiền gọi là công sức đóng góp. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm, về quan điểm giải quyết vụ án. Xét thấy việc kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ. Xét việc cấp sơ thẩm tuyên giao ngôi nhà cho cả anh A và bà C cùng sở hữu là không đảm bảo, bởi phần diện tích đất là của hộ gia đình, chưa được đem chia. Cần giao quyền sở hữu ngôi nhà cho bà C, buộc bà C có trách nhiệm thanh toán cho anh A và chị B phần giá trị mà anh A chị B được hưởng, thì mới đảm bảo được quyền lợi của các bên đương sự. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa 1 phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Kiến nghị đối với cấp sơ thẩm: Trong quyết định phân công thẩm phán ghi số thông báo thụ lý vụ án và ngày tháng năm không trùng với số và ngày tháng năm ban hành tại thông báo thụ lý vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Hoàng Quang A đề nghị Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn với chị Tăng Ngọc B. Chị B cư trú tại huyện Trùng Khánh, do đó thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục kháng cáo:

Bản án sơ thẩm số 92/2022/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh được tuyên ngày 15/9/2022. Ngày 16/9/2022 nguyên đơn Hoàng Quang A có đơn kháng cáo, ngày 29/9/2022 bà Lý Thị C có đơn kháng cáo gửi đến Tòa án. Như vậy đơn kháng cáo gửi trong thời hạn luật định, anh A, bà C đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo và căn cứ kháng cáo của anh Hoàng Quang A, bà Lý Thị C:

Nội dung kháng cáo: Anh A, bà C đều có ý kiến thống nhất cho rằng thực tế chi phí xây nhà không liên quan đến anh A- chị B, mọi chi phí hoàn toàn do công sức đóng góp của vợ chồng bà C, GCNQSDĐ đứng tên hộ ông Hoàng Văn Tuyên-Lý Thị C. Do đó không chấp nhận quyết định của bản án sơ thẩm về việc phải thanh toán chi phí xây nhà cho chị Tăng Ngọc B.

Quá trình nghiên cứu, xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án HĐXX phúc thẩm thấy rằng: Về các căn cứ chứng minh công sức đóng góp của chị B trong việc xây nhà: Tại thời điểm làm nhà thì chị B là người đứng tên hợp đồng khoản vay 100.000.000đ tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, mục đích vay để làm nhà. Cùng thời điểm này hai vợ chồng có vay bố mẹ chị B số tiền 150.000.000đ, việc vay này có bà S và bà T xác nhận được chứng kiến chị B nhận tiền 100.000.000đ từ bố chị B với mục đích để làm nhà. Ngoài ra, chị B cũng xuất trình được giấy tờ bán vàng ngày 26/12/2015 với số tiền hơn 94.550.000đ, số vàng này nếu không phải của hồi môn của riêng chị B ngày cưới thì cũng là tài sản chung của hai vợ chồng chị B, anh A. Tất cả sự việc trên đều trùng khớp với thời gian làm nhà năm 2015. Bên cạnh đó những người cung cấp vật liệu xây dựng, xây nhà, hoàn thiện nhà đều khẳng định trong quá trình làm nhà chỉ có vợ chồng anh A, chị B đứng ra giao dịch trong việc thuê thợ và trả tiền công, tiền vật liệu, còn vợ chồng bà C không thấy có ý kiến. Tuy nhiên chị B cũng không chứng minh được toàn bộ ngôi nhà là do hai vợ chồng tạo dựng được, chị cũng thừa nhận được mẹ chồng đưa 07 chỉ vàng bán được hơn 20 triệu để trả tiền công và vật liệu xây dựng. Do đó có căn cứ xác định ngôi nhà này là tài sản chung có phần công sức đóng góp của chị B. Tòa án sơ thẩm chia tài sản chung theo phần đối với ngôi nhà là đúng quy định của pháp luật.

Về cách thức chia tài sản: Tòa án sơ thẩm tuyên Bà Lý Thị C ông Tuyền được hưởng theo tỷ lệ $25\%/437.394.600đ = 109.348.650đ$ (một trăm lẻ chín triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi đồng chẵn). Anh Hoàng Quang A được hưởng theo tỷ lệ $30\%/437.394.600đ = 131.218.380đ$ (một trăm ba mươi mốt triệu hai trăm mười tám nghìn ba trăm tám mươi đồng chẵn). Chị Tăng Ngọc B được hưởng $45\%/437.394.600đ = 196.827.570đ$ (một trăm chín mươi sáu triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi đồng). HĐXX phúc thẩm xét thấy hiện nay cháu Hoàng Tuệ Anh được giao cho chị B chăm sóc nuôi dưỡng có biểu hiện chậm phát triển và thiếu máu (theo sổ khám của Bệnh viện Nhi Trung ương) nên sẽ phải cần nhiều thời gian, tiền bạc hơn trong việc chữa trị cháu trong thời gian tới. Mặt khác việc chia tài sản cần phải ưu tiên cho người phụ nữ và trẻ em theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó Tòa án sơ thẩm chia cho chị B phần giá trị theo tỷ lệ 45% phần giá trị ngôi nhà là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với phần của bà C và ông Tuyền được chia 25% là phù hợp, tuy nhiên ông Tuyền chết vào năm 2017, phần giá trị ngôi nhà ông Tuyền được hưởng sẽ được tuyên giao cho vợ và các con, nhưng các con của ông Tuyền gồm anh A, chị

Lựu, chị Lành đã có văn bản gửi Tòa án nhất trí để lại cho bà C hưởng. Xét thấy việc các con của ông Tuyền nhất trí để cho bà C được hưởng phần giá trị ngôi nhà do ông Tuyền được hưởng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được ghi nhận. Việc tuyên giao cho bà C được hưởng phần giá trị ngôi nhà với 25% là đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên Tòa án sơ thẩm giao quyền quản lý, sử dụng ngôi nhà cho Anh Hoàng Quang A, bà Lý Thị C cùng quản lý sử dụng là không phù hợp, bởi diện tích đất để xây dựng ngôi nhà này là thuộc tài sản chung của hộ gia đình chưa được xem xét, nếu giao quyền sở hữu về tài sản là ngôi nhà chung cho cả bà C và anh A, thì sẽ gây khó khăn cho việc định đoạt quyền sở hữu về tài sản là ngôi nhà và quyền sử dụng đối với diện tích đất cho bà C, do đó HĐXX cần giao ngôi nhà cho bà Lý Thị C được sở hữu và bà C phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 131.218.380đ (*một trăm ba mươi một triệu hai trăm mười tám nghìn ba trăm tám mươi đồng chẵn*) cho anh A, thanh toán số tiền 196.827.570đ (*một trăm chín mươi sáu triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi đồng*) cho chị B thì mới đảm bảo được quyền lợi cho các bên đương sự. Do đó cần phải sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay anh A và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho rằng sau khi xét xử sơ thẩm, anh A đã cung cấp được một số chứng cứ mới là giấy xác nhận của những người làm chứng gồm Vũ Văn F, Nguyễn Ngọc Tuyên, Trần Viết H, Nông Văn I, Lục Quang K, Nông Thu T, Nông Văn M, Lê Văn Q, Triệu Hải N, Nông Văn O xác nhận nội dung tiền là nhà là do bố anh A bỏ ra. Hội đồng xét xử xét thấy, tại cấp sơ thẩm anh A thừa nhận không có tài liệu gì để chứng minh khoản tiền làm nhà là do bố mẹ anh bỏ ra thanh toán, sau khi xét xử sơ thẩm bản án sơ thẩm tuyên anh A và bà C phải thanh toán một phần giá trị ngôi nhà cho chị B thì anh mới đi xin xác nhận của những người làm chứng nêu trên. Tuy nhiên việc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền không xác nhận rõ là do ông Tuyền đã bỏ ra. Hơn nữa những người xác nhận cho anh A, bà C được tòa án triệu tập đến tham gia phiên tòa với tư cách là người làm chứng, nhưng không ai có mặt tại phiên tòa. Do đó những giấy xác nhận này không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với kiến nghị của viện kiểm sát, xét thấy tại thông báo thụ lý vụ án ban hành có ghi số 57 ngày 04/10/2021. Trong quyết định phân công thẩm phán thể hiện thông báo thụ lý vụ án lại ghi số 55 ngày 01/10/2021. Xét thấy kiến nghị của viện kiểm sát là có căn cứ, đề nghị cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm và khắc phục kiến nghị nêu trên.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Ý kiến của vị đại diện viện kiểm sát đề nghị phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được chấp nhận một phần nên anh Hoàng Quang A, bà Lý Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Hoàng Quang A và bà Lý Thị C. Sửa một phần bản án Hôn nhân gia đình số 92/2022/HNGĐ-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng về phần tài sản.

Tuyên xử:

1. Bà Lý Thị C được quyền sở hữu ngôi nhà tọa lạc tại Tổ dân phố 6, xã U, huyện Trùng Khánh theo giấy cấp phép số 24/CPXD ngày 29/6/2015 của UBND huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Bà C phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh Hoàng Quang A số tiền 131.218.380đ (một trăm ba mươi một triệu hai trăm mười tám nghìn ba trăm tám mươi đồng chẵn) và thanh toán cho chị Tăng Ngọc B số tiền 196.827.570đ (một trăm chín mươi sáu triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi đồng)

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, ngày anh A, chị B có đơn yêu cầu yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu bà C chậm thanh toán sẽ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

2. Các quyết định khác tại bản án hôn nhân gia đình số 92/2022/HNGĐ-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng không bị kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm:

Anh Hoàng Quang A không phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc

thẩm, xác nhận anh A đã nộp tiền án phí phúc thẩm theo biên lai số 0004205 ngày 23/9/2022 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Nay anh A được hoàn lại 300.000đ.

Bà Lý Thị C không phải chịu 300.000đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, xác nhận bà C đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0004208 ngày 04 tháng 10 năm 2022 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Nay bà C được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh CB;
- CCTHADS Trùng Khánh;
- TAND Trùng Khánh;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như